

ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG SINH TRƯỞNG VÀ NĂNG SUẤT THỊT CỦA NGŨNG XÁM THƯƠNG PHẨM TẠI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VỊT ĐẠI XUYÊN

Văn Thị Chiêu, Nguyễn Văn Duy, Vương Thị Lan Anh, Đỗ Thị Liên, Nguyễn Ngọc Giáp, Nguyễn Thị Thu Phương và Lê Thị Mai Hoa

Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên

Tác giả liên hệ: Văn Thị Chiêu; Điện thoại: 0349613562

E-mail: chieuthu48@gmail.com

TÓM TẮT

Đề đánh giá khả năng suất thịt của ngỗng Xám thương phẩm tại Trung tâm Nghiên cứu vịt Đại Xuyên đã tiến hành Bố trí thí nghiệm tại Trung tâm. Mỗi lô nuôi 50 trống + 50 mái, lặp lại 3 lần, được đeo số cá thể từ lúc 01 ngày tuổi. Khảo sát ngỗng thương phẩm ở 16 tuần tuổi (6 trống + 6 mái). Kết quả cho thấy Ngỗng Xám nuôi thương phẩm có tỷ lệ nuôi sống cao đạt 96,67% đối với ngỗng trống và 95,33% đối với ngỗng mái. Khối lượng cơ thể ở 16 tuần tuổi con trống đạt 6074,37g, con mái đạt 5248,72g; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng đối với con trống 3,85kg, đối với con mái là 3,71 kg. Tỷ lệ thịt xẻ ở 16 tuần tuổi đối với ngỗng trống và mái đạt lần lượt là 72,35%; 72,35%, Tương tự tỷ lệ thịt ức đạt lần lượt là 16,19%; 16,70%. Tỷ lệ thịt đùi đạt lần lượt là 12,56%; 12,30%. Độ dài lông cánh đạt 22,72; 21,94 cm.

Từ khóa: sinh trưởng, cho thịt, ngỗng Xám, thương phẩm

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành chăn nuôi ngỗng rất phát triển ở châu Âu và Trung Quốc. Tuy có lịch sử phát triển lâu dài như vậy nhưng nghề chăn nuôi ngỗng không phát triển nhảy vọt như gà và vịt mà có những giai đoạn phát triển chậm và có khi giảm sút. Ở Việt Nam chưa có nhiều tài liệu nói về nghề nuôi ngỗng, nhất là khu vực phía Nam. Theo Mạc Thị Quý và cs. (1995) ngỗng được nuôi tại nhiều vùng như Gia Lâm, Đông Anh (Hà Nội), Cẩm Giàng, Khoái Châu (Hưng Yên), Vĩnh Yên, Vĩnh Lạc (Vĩnh Phúc), Yên Phong, Việt Yên (Bắc Giang). Cũng theo Mạc Thị Quý và cs. (1999) khảo sát năng suất của đàn ngỗng Rheinland nuôi thả trên nhiều địa phương Bắc bộ cho thấy kết quả rất khả quan, tỷ lệ nuôi sống ngỗng con từ 0 - 77 ngày tuổi là khá cao 91,7 — 95%, trọng lượng lúc 77 ngày tuổi đạt 4,0 kg (đực) và 3,6 kg (cái). Con lai giữa ngỗng đực xám địa phương với ngỗng cái Rheinland cho tỷ lệ nuôi sống rất cao, đạt 98,4% trong giai đoạn 0 -77 ngày tuổi. Trọng lượng lúc 77 ngày tuổi đạt bình quân 4,4 kg. Ngỗng được nuôi lẻ tẻ theo từng hộ gia đình vài con chứ chưa thành đàn lớn. Những giống ngỗng nội như ngỗng Sen Trắng, ngỗng Sư tử lông xám hầu như chưa có nghiên cứu về khả năng sản xuất cũng như vai trò kinh tế của chúng. Trong khi đó ngỗng là loài thủy cầm duy nhất có khả năng tiêu hóa chất xơ, sản phẩm từ ngỗng rất đa dạng là thịt, gan béo, mỡ và lông.

Ngỗng Xám nuôi khảo nghiệm tại Trung tâm Nghiên cứu vịt Đại Xuyên có năng suất trứng đạt 33,92 quả/mái/19 tuần đẻ, tiêu tốn thức ăn đạt 6,12kg/10 quả trứng. Tiềm năng phát triển ngỗng Xám ở Việt Nam là rất lớn, với các ưu điểm về năng suất trứng và thịt của ngỗng Xám cao hơn so với các loại ngỗng khác. Xét thấy đây là một nguồn gen quý để lai tạo với các giống ngỗng hiện có ở Việt Nam như ngỗng trời, ngỗng Sư tử. Ngỗng Xám được công nhận là giống vật nuôi theo Quyết định số 3616/QĐ –BNN – CN ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Để phát triển giống ngỗng Xám phục vụ nhu cầu sản xuất Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên đã nghiên cứu thực hiện đề tài chọn tạo hai dòng ngỗng Xám có năng suất chất lượng cao. Trên cơ sở đó cần thiết phải đánh giá được năng suất thịt của ngỗng Xám thương phẩm nên chúng tôi tiến hành nghiên cứu: **“Đánh giá khả năng sinh trưởng và năng suất thịt của ngỗng Xám thương phẩm tại Trung tâm Nghiên cứu vịt Đại Xuyên”**. Với mục tiêu đánh giá khả năng sản xuất của ngỗng Xám thương phẩm được tạo ra từ 2 dòng ngỗng Xám đã chọn tạo.

Các chỉ tiêu theo dõi

- Đánh giá khả năng sinh trưởng của ngỗng Xám thương phẩm: Tỷ lệ nuôi sống qua các tuần tuổi (%), khối lượng cơ thể theo các tuần tuổi (g), xác định sinh trưởng tuyệt đối (g/con/ngày) và sinh trưởng tương đối (%), tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng;
- Đánh giá năng suất thịt của ngỗng Xám thương phẩm: mổ khảo sát để xác định các chỉ tiêu thân thịt của vịt tại 16 tuần tuổi.

Xử lý số liệu

Các số liệu được thu thập, theo dõi và xử lý theo phương pháp thống kê sinh học bằng phần Excel 2016, Minitab 19.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Khả năng sinh trưởng của ngỗng Xám thương phẩm

Tỷ lệ nuôi sống của ngỗng thương phẩm

Tỷ lệ nuôi sống của ngỗng thương phẩm được trình bày qua Bảng 2.

Bảng 2. Tỷ lệ nuôi sống của ngỗng thương phẩm

Tuần tuổi (tuần)	Trống		Mái	
	n (con)	TLNS (%)	n (con)	TLNS (%)
1nt	150	100,00	150	100,00
2	149	99,33	149	99,33
4	147	98,00	146	97,33
6	146	97,33	145	96,67
8	145	96,67	144	96,00
10	145	96,67	144	96,00
12	145	96,67	143	95,33
14	145	96,67	143	95,33
16	145	96,67	143	95,33
1nt - 8	145	96,67	144	96,00
1nt -16	145	96,67	143	95,33

Ghi chú: nt: ngày tuổi; TLNS: tỷ lệ nuôi sống

Kết quả Bảng 2 cho thấy ngỗng Xám thương phẩm có tỷ lệ nuôi sống cao, từ 1nt - 8 tuần tuổi có tỷ lệ nuôi sống là 96,67 đối với ngỗng trống và đạt 96,00 % đối với ngỗng mái; Cả giai đoạn nuôi thương phẩm từ 1nt -16 tuần tuổi đạt 96,67% đối với ngỗng trống và đạt 95,33% đối với ngỗng mái. Ngỗng Xám nuôi thương phẩm trong giai đoạn 1nt - 4 tuần tuổi có tỷ lệ hao hụt cao, giai đoạn này ngỗng còn nhỏ nên khả năng chống chịu bệnh tật và các điều kiện ngoại cảnh kém hơn. Điều này là hoàn toàn phù hợp với quy luật sinh trưởng của thủy cầm.

Khối lượng cơ thể ngỗng Xám qua các tuần tuổi

Ngỗng Xám cho ăn tự do đến 16 tuần tuổi, cân khối lượng một tuần một lần, mỗi lần cân 30 con trống và 30 con mái ở mỗi lô thí nghiệm (Như vậy sẽ cân tất cả 90 con trống và 90 con mái ở mỗi tuần tuổi). Kết quả thu được trình bày ở Bảng 3.

Bảng 3. Khối lượng cơ thể của ngỗng xám nuôi thương phẩm (n = 90)

Tuần tuổi (tuần)	Trống		Mái	
	Mean	SE	Mean	SE
1 ngày tuổi	110,63	1,07	109,85	1,09
2	637,55	6,84	510,49	6,78
4	1464,2	10,61	1335,3	10,24
6	2417,52	20,65	2249,58	16,63
8	3487,74 ^a	28,63	3124,37 ^b	22,72
10	4664,48	33,65	4159,26	26,33
12	5465,49	41,78	4831,14	33,76
14	5868,15	38,29	5088,43	35,68
16	6074,37 ^a	36,52	5248,72 ^b	34,45

Ghi chú: Các giá trị trung bình trên cùng một hàng nếu có chữ cái khác nhau là sai khác có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$).

Kết quả Bảng 3 cho thấy: khối lượng cơ thể của ngỗng Xám nuôi thịt tại Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên lúc 8 tuần tuổi con trống đạt 3487,74g, ngỗng mái đạt 3124,37g. Khối lượng cơ thể 12 tuần tuổi của con trống 5465,49,15g và mái là 4831,14g. Tại 16 tuần tuổi con trống đạt 6074,37g, con mái đạt 5248,72g. Khối lượng cơ thể của ngỗng trống cao hơn so với ngỗng mái ở các tuần tuổi. Sự sai khác này có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$). Theo Nguyễn Thị Thu (1998), khi nghiên cứu về ngỗng Xám cho biết ngỗng Xám khi nuôi thương phẩm đến 11 tuần tuổi con trống đạt 4,3 kg, con mái đạt 3,8 kg. Với ngỗng Rheinland theo tác giả Mạc Thị Quý (1996) cho biết: khối lượng cơ thể của ngỗng Rheinland nuôi đến 11 tuần tuổi ở ngỗng trống đạt 4330,0g/con và ngỗng mái đạt 4024,0g/con. Như vậy, ngỗng Xám thương phẩm nuôi tại Trung tâm Nghiên cứu Vịt Đại Xuyên có khối lượng cao hơn so với ngỗng Xám và ngỗng Rheinland trong nghiên cứu của các tác giả trên.

Sinh trưởng tuyệt đối và tương đối của ngỗng Xám

Sinh trưởng tuyệt đối (g/con/ngày) và sinh trưởng tương đối (%) của ngỗng Xám được trình bày qua Bảng 4.

Bảng 4. Sinh trưởng tuyệt đối và tương đối của ngỗng Xám (n = 90)

Giai đoạn (tuần)	Sinh trưởng tuyệt đối (g/con/ngày)				Sinh trưởng tương đối (%)			
	Trống		Mái		Trống		Mái	
	Mean	SE	Mean	SE	Mean	SE	Mean	SE
1nt - 2	37,64	0,31	28,62	0,27	140,85	0,35	129,17	37,64
2 - 4	59,05	0,65	58,92	0,56	78,66	0,60	89,37	59,05
4 - 6	68,09	1,12	65,31	1,08	49,12	1,24	51,01	68,09
6 - 8	76,44	1,53	62,49	1,64	36,25	1,75	32,56	76,44
8 - 10	84,05	2,14	73,92	2,07	28,87	2,37	28,42	84,05

10 - 12	57,22	1,26	47,99	1,34	15,81	2,08	14,95	57,22
12 - 14	28,76	1,35	18,38	1,42	7,11	1,93	5,19	28,76
14 - 16	14,73	1,14	11,45	1,39	3,45	3,15	3,10	14,73

Kết quả Bảng 4 cho thấy sinh trưởng tuyệt đối tăng dần theo từng giai đoạn, sinh trưởng của ngỗng trống cao hơn so với ngỗng mái ở các tuần tuổi. Giai đoạn 1nt-2 tuần tuổi 37,64 g/con/ngày ngỗng trống; ngỗng mái là 28,26 g/con/ngày và đạt cao nhất ở giai đoạn 8 - 10 tuần tuổi là 84,05 g/con/ngày đối với ngỗng trống và 73,92 g/con/ngày đối với ngỗng mái, sau đó giảm dần đến 16 tuần tuổi ngỗng trống là 14,73 g/con/ngày; 11,45 g/con/ngày ngỗng mái. Điều này là hoàn toàn phù hợp với quy luật sinh trưởng của thủy cầm.

Tốc độ sinh trưởng tương đối của ngỗng Xám giảm dần qua các tuần tuổi, cao nhất ở giai đoạn 1nt – 2 tuần tuổi, thấp nhất ở giai đoạn 14 -16 tuần tuổi. Cụ thể sinh trưởng tương đối ở giai đoạn 1nt - 2 tuần tuổi của ngỗng trống là 140,85%; của ngỗng mái là 129,17%. Giai đoạn 10 - 12 tuần tuổi con trống và mái đạt lần lượt là 15,81% và 14,95%. Tương tự giai đoạn 14 -16 tuần tuổi là 3,45%; 3,10%.

Hiệu quả sử dụng thức ăn

Hiệu quả sử dụng thức ăn được định nghĩa là mức độ tiêu tốn thức ăn cho một đơn vị sản phẩm. Tiêu tốn thức ăn (TTTA) trên một kg tăng khối lượng là tỷ lệ chuyển hóa thức ăn để đạt được tốc độ tăng trọng, là chỉ tiêu hết sức quan trọng ảnh hưởng lớn đến hiệu quả chăn nuôi. Hiệu quả sử dụng thức ăn của ngỗng Xám thương phẩm được thể hiện qua Bảng 5.

Bảng 5. Hiệu quả sử dụng thức ăn của ngỗng Xám thương phẩm (n=3)

Giai đoạn	Tiêu tốn thức ăn /kg tăng khối lượng (kg)			
	Trống		Mái	
	Mean	SE	Mean	SE
1nt - 2	1,37	0,06	1,39	0,05
2 - 4	1,90	0,07	1,70	0,06
4 - 6	2,71	0,08	2,68	0,08
6 - 8	3,62	0,05	3,54	0,06
8 - 10	4,71	0,06	4,68	0,07
10 - 12	5,64	0,10	5,59	0,09
12 - 14	6,37	0,09	6,39	0,10
14 - 16	7,77	0,12	7,59	0,10
1- 16	3,85	0,08	3,71	0,07

Kết quả Bảng 5 cho thấy, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng của ngỗng Xám khi nuôi thương phẩm tăng dần qua các tuần tuổi. Ở giai đoạn 1 - 2 tuần tuổi, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng của ngỗng trống đạt 1,37kg, của ngỗng mái đạt 1,39kg. Ở giai đoạn 10 - 12 tuần tuổi, tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng của ngỗng trống và mái đạt lần lượt là 5,64kg;

5,59kg. Giai đoạn 14 -16 tuần tuổi đạt tương ứng lần lượt là 7,77kg; 7,59kg. Trung bình giai đoạn 1 - 16 tuần tuổi đạt 3,84kg đối với con trống và 3,71kg đối với con mái.

Năng suất thịt của ngỗng Xám thương phẩm

Kết quả mổ khảo sát ngỗng Xám nuôi thương phẩm được thể hiện qua Bảng 6.

Bảng 6. Kết quả mổ khảo sát ngỗng Xám nuôi thương phẩm (n=6)

Chỉ tiêu	Trống		Mái	
	Mean	SE	Mean	SE
KLCT sống (g)	6079,33	55,29	5203,67	49,98
Tỷ lệ thịt xẻ (%)	72,35	0,23	72,04	0,44
Tỷ lệ thịt ức (%)	16,19	0,15	16,70	0,03
Tỷ lệ thịt đùi (%)	12,56	1,61	12,30	0,08
Độ dài lông cánh (cm)	22,72	0,22	21,94	0,16

Ghi chú: KLCT – khối lượng cơ thể.

Kết quả Bảng 6 cho thấy mổ khảo sát ngỗng thương phẩm ở 16 tuần tuổi có khối lượng cơ thể trống 6079,33 g và mái là 5203,67g, tỷ lệ thịt xẻ đạt 72,04-72,35%, tỷ lệ thịt ức và thịt đùi lần lượt là 16,19-16,70%; 12,30-12,56%, độ dài lông cánh đạt 21,91-22,72cm.

Theo Nguyễn Thị Thu (1998), ngỗng Xám khi nuôi thương phẩm đến 11 tuần tuổi tỷ lệ thịt xẻ đối với ngỗng trống, mái đạt lần lượt là 57,28 % và 60,26%. Tỷ lệ thịt đùi đạt lần lượt là 27,81 và 28,38%. Khi lai trống ngỗng xám với mái ngỗng Rheinland, tỷ lệ thịt xẻ đạt mức tương ứng là 61,16 và 61,76%. Tỷ lệ thịt đùi đạt lần lượt 22,78 và 23,81%. Qua đó cho thấy tỷ lệ thịt xẻ của ngỗng Xám nuôi tại Trung tâm nghiên cứu Vịt Đại Xuyên cao hơn nhưng tỷ lệ thịt đùi lại thấp hơn so với ngỗng Xám và ngỗng Rheinland trong nghiên cứu của tác giả trên.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Kết luận

Khả năng sinh trưởng

Ngỗng Xám nuôi thương phẩm có tỷ lệ nuôi sống cao đạt 96,67% đối với ngỗng trống và 95,33% đối với ngỗng mái. Khối lượng cơ thể ở 16 tuần tuổi con trống đạt 6074,37g, con mái đạt 5248,72g; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng đối với con trống 3,85kg, đối với con mái là 3,71 kg.

Năng suất thịt

Tỷ lệ thịt xẻ ở 16 tuần tuổi đối với ngỗng trống và mái đạt lần lượt là 72,35%; 72,35%, Tương tự tỷ lệ thịt ức đạt lần lượt là 16,19%; 16,70%. Tỷ lệ thịt đùi đạt lần lượt là 12,56%; 12,30%. Độ dài lông cánh đạt 22,72 cm; 21,94 cm.

Đề nghị

- Phát triển và mở rộng mô hình chăn nuôi ngỗng Xám ra ngoài sản xuất

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đào Đức Long và Nguyễn Chí Bảo . 1986. Nuôi vịt ngỗng chăn thả. NXB Nông nghiệp, Hà Nội, tr.36 - 94. 4.
- Lê Việt Ly, Hoàng Kim Giao, Mai Văn Sánh, Võ Văn Sự và Lê Minh Sắt .2001. Bảo tồn nguồn gen vật nuôi ở Việt Nam. NXB Nông nghiệp, Hà Nội, tr. 92 - 99. 3.
- Mạc Thị Quý . 1995. Nghiên cứu một số đặc điểm sinh trưởng, sinh sản của ngỗng Rheinland nuôi ở một số tỉnh phía Bắc Việt Nam. Luận án Phó Tiến sỹ Khoa học Nông nghiệp. Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam. Hà Nội, 1995.
- Mạc Thị Quý . 1999. Nghiên cứu một số đặc điểm ngoại hình và trứng ngỗng Rheinland. NXB Nông nghiệp Hà Nội tr 466- 473,27.
- Theo Nguyễn Thị Thu . 1998. Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học tính năng sản xuất của ngỗng xám và con lai F1 (xám X Rheinland) ở miền Bắc Việt Nam. Luận án tiến sỹ Nông nghiệp năm 1998.
- Trung tâm Nhân giống và Di truyền Thủy cầm Liên bang Nga. 2015. Hướng dẫn chăn nuôi giống ngỗng Xám. Liên bang Nga, 2015.
- Vũ Ngọc Sơn, Hoàng Văn Tiệu, Phạm Công Thiệu, Lê Thúy Hằng và Trịnh Phú Cừ . 2009. Khả năng sinh trưởng, sinh sản của ngỗng Cỏ nuôi tại Viện Chăn nuôi. Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi, số 20, tháng 10/2009.

ABSTRACT

Evaluate ability growth and meat performance of commercial Gray geese at Duck Breeding and Research Center

To evaluate the meat performance of commercial Gray geese at Dai Xuyen Duck Research Center, an experimental model was conducted at Center. Each plot included 50 males + 50 females, repeated 3 times, individual numbered from 1 day age. Surveillance of commercial geese at 16 weeks age (6 males + 6 females). The results showed that the a high survival rate of commercial Gray Goose was 96.67% for males and 95.33% for females. Body weight of 16 weeks age was 6074.37g for males, 5248.72g for females; Feed consumption/kg weight gain was 3.85kg for males, 3.71kg females. The carcass percentage at 16-week-age was 72.35% and 72.35% for males and females respectively. Similarly, the breast meat percentage was 16.19% and 16.70%, respectively. The thigh meat percentage was 12.56%; 12.30%. The wing feather length was 22.72; 21.94 cm.

Keywords: *growth, meat, gray goose, commercial.*

Ngày nhận bài: 8/11/2022

Ngày phản biện đánh giá: 5/12/2022

Ngày chấp nhận đăng: 31/12/2022

Người phản biện: *TS. Ngô Thị Kim Cúc*